**TỰ HỌC TOEIC 990 (2023)**

**DAY 30 – 17.7.2023 - KĨ NĂNG ĐỌC TOEIC READING – PART 5**

**CHỦ ĐỀ 7: TO-INFINITIVES**

**(ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU CÓ TO)**

* **Cách làm:**

**Bước 1:** Đọc phần lý thuyết ngữ pháp

**Bước 2:** Áp dụnglàm 20 câu part 5 dưới phần lý thuyết

**Bước 3:** Up đáp án của bạn lên mục comment dưới đây

**Bước 4:** Nhận đáp án vào cuối ngày & Note lại từ vựng mới

* **Tổng hợp các bài học, kinh nghiệm & tài liệu ôn thi:**

[**https://www.facebook.com/groups/tuhoctoeic990/posts/1447110649057575**](https://www.facebook.com/groups/tuhoctoeic990/posts/1447110649057575)

**CHỦ ĐỀ 7: TO-INFINITIVES**

**(ĐỘNG TỪ NGUYÊN MẪU CÓ TO)**

**1. TO-INFINITIVE NHƯ MỘT DANH TỪ**

- Chủ ngữ của câu:

Ex: To organize a meeting is not easy.

- Bổ ngữ cho chủ ngữ

Ex: Our mission is to increase work efficiency at the factory.

- Tân ngữ của động từ

Ex: The company agreed to provide us with the necessary information.

**Mở rộng:** Hình thức động từ nguyên mẫu có to (to-infinitive) có thể được dùng như một tân ngữ trực tiếp sau các động từ (V + to-infinitive):

| Afford | Care | Determine | Help | Manage | Pretend | Seem |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Agree | Cease | Demand | Hesitate | Mean | Prepare | Strive |
| Arrange | Choose | Desire | Hope | Need | Promise | Tend |
| Ask | Claim | Expect | Intend | Neglect | Propose | Threaten |
| Attempt | Come | Fail | Learn | Offer | Refuse | Try |
| Bear | Continue | Fear | Like | Omit | Regret | Want |
| Beg | Decide | Forget | Long | Plan | Start | Wish |
| Begin | Deserve | Hate | Love | Prefer | Swear |  |

- Bổ ngữ cho tân ngữ

Ex: I expect you to finish the report today.

**Mở rộng:** Một số động từ theo sau bởi tân ngữ + to-infinitive (V + O + to-infinitive):

| Advise | Challenge | Forbid | Instruct | Need | Suspect | Want |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Allow | Command | Love | Intend | Observe | Teach | Warn |
| Ask | Compel | Force | Invite | Order | Tell | Wish |
| Assume | Consider | Get | Know | Permit | Tempt |  |
| (can’t) bear | Enable | Guess | Lead | Prefer | Think |  |
| Beg | Encourage | Hate | Like | Persuade | Trust |  |
| Believe | Expect | Help | Leave | Remind | Urge |  |
| Cause | Find | Imagine | Mean | Request | Understand |  |

**2. TO-INFINITIVE NHƯ MỘT TÍNH TỪ**

To-infinitive có thể theo sau một danh từ và có chức năng như một tính từ bổ nghĩa cho danh từ đó.

| Time to V | Plan to V | Decision to V | Effort to V |
| --- | --- | --- | --- |
| Chance to V | Ability to V | Attempt to V | Desire to V |
| Work to V | Opportunity to V | Way to V | Right to V |

Ex: All employees will have an opportunity to meet with CEO in person.

**3. TO-INFINITIVE NHƯ MỘT TRẠNG TỪ**

To-infinitive có thể hoạt động như một trạng từ bổ nghĩa cho một động từ, một tính từ, một trạng từ khác, hoặc thể hiện một mục đích.

- Bổ nghĩa cho tính từ

Ex: I am very pleased to announce that your sales figures have increased.

Mở rộng: Một số tính từ/phân từ quá khứ theo sau bởi to-infinitive (Adj + to-infinitive):

| (un)able | Content | Easy | Happy | Pround | Slow | Worthy |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Afraid | Crazy | Expected | Helpless | Prepared | Sorry | Wonderful |
| Amused | Curious | Eligible | Horrified | Quick | Sufficient | Wrong |
| Annoyed | Dangerous | Free | Impatient | Ready | Supposed |  |
| Anxious | Delighted | Fortunate | Interested | Relieved | Scheduled |  |
| Ashamed | Determined | Furious | Keen | Right | Sure |  |
| Astonished | Difficult | Frighten | Lucky | Resolved | Thankful |  |
| About | Distressed | Good | Likely | Reluctant | (un)wise |  |
| Boring | Disappointed | Glad | Moved | Safe | (un)willing |  |
| Careful | Due | Grateful | Pleased | Scared | Useless |  |
| Certain | Eager | Hard | (im)possible | Surprised | Usual |  |

- Thể hiện một mục đích:

Ex: To promote the new product, the company has decided to hire a new marketing manager.

**4. MỘT SỐ CHỨC NĂNG KHÁC**

- To-infinitive có thể được dùng để thay cho mệnh đề quan hệ:

Ex: The house to be demolished is very old. (= The house which was demolished…)

- To-infinitive được dùng sau too và enough

Ex: This suitcase is too heavy to lift.

**THỰC HÀNH**

1. Ms. Robinson’s team is making every effort ------------ the deadline, which is July 24.

(A) meet

(B) meeting

(C) to meet

(D) met

2. Museum visitors are asked ------------ their phones and cameras at the entrance.

(A) leave

(B) left

(C) leaving

(D) to leave

3. Passengers are no longer allowed ---------- more than 100 ml of liquids on board airplanes.

(A) bringing

(B) to bring

(C) brings

(D) brought

4. The troubleshooting team has managed ---------- the cause of the problem on the website.

(A) to find

(B) finding

(C) find

(D) to be found

5. The team forgot ----------- the file of the presentation to the meeting.

(A) to bring

(B) to have brought

(C) bringing

(D) have brought

6. The vice president’s plan ----------- to Asian countries hasn’t been finalized yet.

(A) travel

(B) to travel

(C) traveling

(D) to be traveled

7. I was interested ----------- that the company is going to consider the possibility of an M&A with another firm.

(A) to learn

(B) learning

(C) learned

(D) to be learned

8. Jane left her last job because she wanted ---------- career opportunities at our company.

(A) pursue

(B) pursuing

(C) to pursue

(D) to have pursued

9. ---------- the process of online orders, the company has decided to hire more customer service representatives.

(A) To expedite

(B) Expedition

(C) Expediting

(D) To be expedited

10. Dr. Valoro was asked ----------- the keynote speech at this year’s annual investors’ meeting.

(A) to have given

(B) to give

(C) giving

(D) having given

11. Management’s attempt ----------- off hundreds of employees turned out to be a failure.

(A) to lay

(B) laying

(C) laid

(D) being laid

12. Delegates participating in the sales conference are ------------ to wear business attire.

(A) encourage

(B) encouraging

(C) encouraged

(D) to encourage

13. It is important ------------ clients feel confident that you have their best interests at heart.

(A) making

(B) to make

(C) to be making

(D) having made

14. I have no doubt he is not eligible ------------ for a credit car with his current income.

(A) applying

(B) application

(C) applied

(D) to apply

15. Dennis helped me ----------- all the data from the survey.

(A) to enter

(B) entering

(C) to have entered

(D) entered

16. The purpose of this workshop is ---------- new employees with all the necessary information.

(A) provide

(B) provided

(C) to provide

(D) provision

17. Deluca & Co.’s profits are expected ----------- steadily due to the decrease in oil prices and its aggressive marketing.

(A) rise

(B) to rise

(C) rising

(D) risen

18. We regret ---------- you that your loan application has been denied due to your poor credit rating.

(A) to inform

(B) informing

(C) inform

(D) informed

19. In order ----------- out what its customers want, the firm has decided to conduct a comprehensive survey.

(A) find

(B) finding

(C) to find

(D) found

20. The chief information officer has asked us ----------- suggestions with regard to the recent failure on the intranet.

(A) provide

(B) provided

(C) to provide

(D) provision